



CÁC VẬT TƯ THIẾT BỊ SẢN XUẤT VÀ NHẬP KHẨU CHO NƯỚC SẠCH - NƯỚC THẢI – RÁC THẢI CHÔN LẤP

NHẬP KHẨU VẬT TƯ CHO CẤP NƯỚC

Công ty TNHH môi trường Thiên Hà Xanh được thành lập vào tháng 06/2010, chúng tôi có kinh nghiệm 13 năm trong lĩnh vực nhập khẩu các sản phẩm vật tư thiết bị cho công trình xử lý nước:

- Nhập khẩu vật tư cho cấp nước sinh hoạt:

- ✓ Màng lọc RO
- ✓ màng lọc UF
- ✓ Màng lọc MF
- ✓ Đĩa lọc (Disc filter)
- ✓ Hệ thống đèn UV
- ✓ Hạt nhựa trao đổi ion
- ✓ Vật liệu lọc, Cartridge filter
- ✓ Hệ thống xử lý nước EDI (Electrodeionization)
- ✓ Hệ thống xử lý nước EDR..., ...,

- Nhập khẩu vật tư cho công trình cho XLNT:

- ✓ Màng lọc sinh học MBR
- ✓ Giá thể MBBR
- ✓ Tấm lắng lamen,
- ✓ Biochip,
- ✓ Máy ép bùn, hoá chất và ĐTK.,

- Sản xuất chế phẩm vi sinh cho xử lý rác thải bãi chôn lấp :

- ✓ Chế phẩm vi sinh EM gốc, EM thứ cấp
- ✓ Bokashi
- ✓ Vật liệu đệm, vải địa chất...
- ✓ Lò đốt rác

Các hãng nhập khẩu như: *Dow, Dupont, Toray, Koch, Nitto, LG, Pentair, Jimten, Azud, Microdyn Nadir, Mitsubishi, Kubota, Sumitomo...*

Import: Ion Exchange (IER), Membrane Bioreactor (MBR), Nanofiltration (NF), Reverse Osmosis(RO), Ultrafiltration (UF), NF & UF

NHẬP KHẨU MÀNG LỌC RO

I. Màng lọc RO LG brand:



Công nghệ Thin Film Nanocomposite (TFN) cải thiện hiệu suất của màng bằng cách nhúng các hạt nano lạnh tính vào bề mặt của màng. Công nghệ cải tiến này làm tăng dòng chảy của màng mà không ảnh hưởng đến quá trình đào thải muối.

Đặc trưng:

- Tỷ lệ khử muối cao
- Lưu lượng xử lý cao
- Chống ô nhiễm

Ứng dụng:

**Khử muối nước biển
thải**



Nước thải CN



Nước siêu lọc



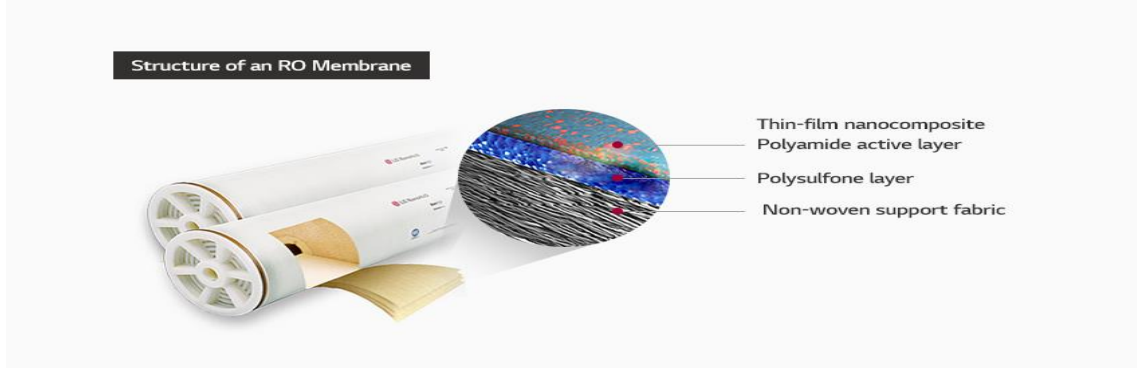
Tái sử dụng nước



Chức năng và cấu trúc sản phẩm:

Dòng màng thẩm thấu ngược LG Chem's NanoH2O™ có các hạt nano lạnh tính được bao bọc trong lớp polyamide trên cùng.

- Màng RO LG Chem's NanoH2O™ cung cấp thông lượng cao nhất và loại bỏ muối cao nhất so với bất kỳ màng RO nào trên thị trường.
- Tất cả các màng RO của LG Chem's NanoH2O™ đều đạt Tiêu chuẩn 61 do NSF quốc tế chứng nhận để sản xuất nước uống.

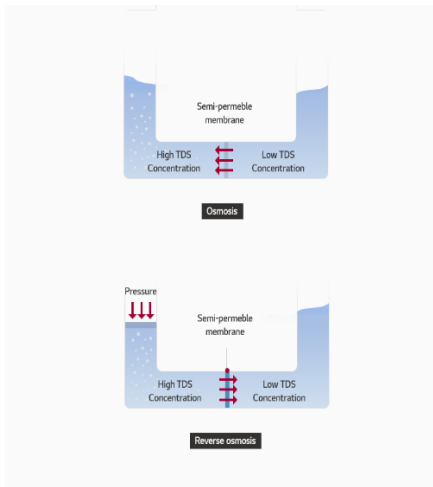


Nguyên tắc thẩm thấu và thẩm thấu ngược

Thẩm thấu là xu hướng tự nhiên của nước có nồng độ tổng chất rắn hòa tan thấp (TDS) đi qua màng bán thấm vào dung dịch có TDS cao hơn để cân bằng mức chất tan ở cả hai mặt của màng.

Chống thẩm ngược là gì?

Thẩm thấu ngược là một quá trình trong đó áp suất lớn hơn áp suất thẩm thấu tự nhiên được áp dụng ở phía có nồng độ cao của màng, buộc nước di chuyển qua màng từ nơi có TDS cao hơn đến khoang có TDS thấp hơn, do đó 'đảo ngược' xu hướng tự nhiên của dòng nước.



Do biến đổi khí hậu, thiếu nguồn cung cấp nước và sự phát triển và công nghiệp hóa của các nước đang phát triển đang làm tăng nhu cầu về nước. Vì con người không thể sống mà không có nước, nên việc mua nước uống là vấn đề sống còn. Điều này đã dẫn đến sự phát triển của nhiều công nghệ lọc nước và công nghệ xử lý nước biển thành nước ngọt

Lọc nước biển và lọc RO công nghiệp của LG Chem (Màng thẩm thấu ngược) là sản phẩm ban đầu của chúng tôi lọc xử lý nước bằng TFN (Thin-Film Nanocomposite).



Màng RO sử dụng thẩm thấu ngược, giúp ngăn chặn tất cả các chất ô nhiễm thông qua áp lực nước khi nước bản đến màng RO. Do đó, chỉ có nước tinh khiết mới đi qua bộ lọc siêu mịn. Bộ lọc khử mặn nước biển của LG Chem dẫn đầu thị trường toàn cầu với tỷ lệ loại bỏ vô song 99,89%. Bộ lọc công nghiệp của bạn được công nhận vì hiệu suất tuyệt vời trong công nghiệp, thương mại, và các cơ sở xử lý nước công cộng ở các quốc gia khác nhau.

Category	Grade	Features	Applications
Khử mặn nước biển	SR / G R / R / ES	Loại bỏ muối cao 99,85%	Thích hợp cho xử lý nước biển và nước mặn cao
Khử mặn nước biển	ES	Tiết kiệm năng lượng, thông lượng cao, loại bỏ cao 99,80%	Thích hợp cho xử lý nước biển và nước mặn cao
Công nghiệp	R G2	Superior Rejection, Lưu lượng cao, Độ bền cao	Sản xuất nước công nghiệp, xử lý nước thải và nước thải và tái sử dụng
Công nghiệp	R Dura	High Rejection, độ bền cao	Sản xuất nước công nghiệp, xử lý nước thải và nước thải và tái sử dụng
Công nghiệp	R	High Rejection	Sản xuất nước công nghiệp, xử lý nước thải và nước thải và tái sử dụng

CÁC MODEL TIÊU BIỂU:

Model Màng RO cho seawater:

- LG SW 400 R G2, LG SW 400 GR G2 LG SW 440 GR G2 LG SW 400 SR
- LG SW 440 R G2, LG SW 440 SR LG SW 400 GR LG SW 440 GR
- LG SW 400 SR G2, LG SW 400 R LG SW 440 R LG SW 400 ES
- LG SW 440 SR G2 LG SW 440 ES **LG SW 4040 R** LG SW 400 GR G2

Model màng RO cho nước lợ:

- LG BW 400 AFR G2 LG BW 400 R G2 LG BW 440 R G2 LG BW 400 R Dura
- LG BW 440 R Dura, LG BW 400 R LGBW 440 R LG BW 400 AFR
- LG BW 400 ES L, LG BW 400 ES, LG BW 440 ES, LG BW 400 UES
- LG BW 440 UES, LG BW 4040 R, LG BW 4021 R, LG BW 2540 R
- LG BW 2521 R, LG BW 4040 ES, LG BW 4021 ES, LG BW 2540 ES
- LG BW 2521 ES, LG BW 4040 UES, LG BW 4021 UES, LG BW 2540 UES
- LG BW 2521 UES, LG CW 4040 SF



Thông số kỹ thuật Màng thẩm thấu ngược nước biển (SWRO):

Product	Size (Diameter)	Active Membrane Area		Permeate Flow Rate		Stabilized Salt		Stabilized Boron	
						Rejection	Rejection		
	mm	inch	ft ²	m ²	gpd	m ³ /d	%	%	
<u>LG SW 400 R G2</u>	200	7.9	400	37	9,000	34.1	99.88	93	
<u>LG SW 440 R G2</u>	200	7.9	440	41	9,900	37.5	99.88	93	
<u>LG SW 400 SR G2</u>	200	7.9	400	37	6,000	22.7	99.89	93	
<u>LG SW 440 SR G2</u>	200	7.9	440	41	6,600	25	99.89	93	
<u>LG SW 400 GR G2</u>	200	7.9	400	37	7,500	28.4	99.89	93	
<u>LG SW 440 GR G2</u>	200	7.9	440	41	8,250	31.2	99.89	93	
<u>LG SW 400 SR</u>	200	7.9	400	37	6,000	22.7	99.85	93	
<u>LG SW 440 SR</u>	200	7.9	440	41	6,600	25	99.85	93	
<u>LG SW 400 GR</u>	200	7.9	400	37	7,500	28.4	99.85	93	
<u>LG SW 440 GR</u>	200	7.9	440	41	8,250	31.2	99.85	93	
<u>LG SW 400 R</u>	200	7.9	400	37	9,000	34.1	99.85	93	
<u>LG SW 440 R</u>	200	7.9	440	41	9,900	37.5	99.85	93	
<u>LG SW 400 ES</u>	200	7.9	400	37	13,700	51.9	99.8	89	
<u>LG SW 440 ES</u>	200	7.9	440	41	15,070	57	99.8	89	
<u>LG SW 4040 R</u>	100	3.9	80	7	1,950	7.4	99.7	-	



Màng thẩm thấu ngược nước lợ (BWRO):

Product	Size (Diameter)	Active Membrane Area		Permeate Flow Rate		Stabilized Salt	Rejection %
	mm	inch	ft ²	m ²	gpd	m ³ /d	
<u>LG BW 400 AFR G2</u>	200	7.9	400	37	11,500	43.5	99.7
<u>LG BW 400 R G2</u>	200	7.9	400	37	11,500	43.5	99.8
<u>LG BW 440 R G2</u>	200	7.9	440	41	12,650	47.9	99.8
<u>LG BW 400 R Dura</u>	200	7.9	400	37	10,500	39.7	99.7
<u>LG BW 440 R Dura</u>	200	7.9	440	41	11,550	43.7	99.7
<u>LG BW 400 R</u>	200	7.9	400	37	10,500	39.7	99.6
<u>LG BW 440 R</u>	200	7.9	440	41	11,550	43.7	99.6
<u>LG BW 400 AFR</u>	200	7.9	400	37	10,500	39.7	99.6
<u>LG BW 400 ES L</u>	200	7.9	400	37	10,500	39.7	99.6
<u>LG BW 400 ES</u>	200	7.9	400	37	10,500	39.7	99.6
<u>LG BW 440 ES</u>	200	7.9	440	41	11,550	43.7	99.6
<u>LG BW 400 UES</u>	200	7.9	400	37	10,500	39.7	99
<u>LG BW 440 UES</u>	200	7.9	440	41	11,550	43.7	99
<u>LG BW 4040 R</u>	100	3.9	85	8	2,500	9.5	99.6



LG BW 4021 R	100	3.9	34	3	1,000	3.8	99.6
LG BW 2540 R	60	2.4	22	2	750	2.8	99.6
LG BW 2521 R	60	2.4	9	1	345	1.3	99.6
LG BW 4040 ES	100	3.9	85	8	2,500	9.5	99.5
LG BW 4021 ES	100	3.9	34	3	1,000	3.8	99.5
LG BW 2540 ES	60	2.4	22	2	750	2.8	99.5
LG BW 2521 ES	60	2.4	9	1	345	1.3	99.5
LG BW 4040 UES	100	3.9	85	8	2,700	10.2	99
LG BW 4021 UES	100	3.9	34	3	1,000	3.8	99
LG BW 2540 UES	60	2.4	22	2	800	3	99
LG BW 2521 UES	60	2.4	9	1	345	1.3	99
LG CW 4040 SF	100	3.9	85	8	2,900	11	99

2. Màng lọc RO của Dow:



Các model thông dụng áp dụng cho nước lợ:
Low Energy Brackish water RO elements 8"



- BW30-400/34
- BW30-400/34i
- BW30HR-440i
- HRLE-440 replaced by Eco Pro-440 / Eco Platinum-440 / BW30HRLE-440
- HRLE-440i replaced by Eco Pro-440i / Eco Platinum-440i / BW30HRLE-440i
- HSRO-390-FF
- HSRO-4040-FF

Model RO áp dụng cho nước biển:

- [SW30-380](#)
- [SW30-6040](#)
- [SW30-8040](#)
- [SW30HR-320](#)
- [SW30HR-380](#)
- [SW30HR-8040](#)
- [SW30HRLE-370-34i](#)

3. Màng lọc RO của Toray:



Màng lọc RO cho NƯỚC LỢ

Màng RO Toray (có các đường kính 4 inch, 8 inch và 16 inch) được sử dụng cho các ứng dụng đô thị, công nghiệp và thương mại.

TM Series:

Series	Model	Diameter	Product Flow		Rejection	Net
			Rate			Thickness
		(inch)	(m ³ /d)	(gpd)	(%)	(mil)
TM700D	TM710D	4	9.8	2,600	99.8	31
(High Rejection)	TM720D-400	8	41.6	11,000	99.8	34
	TM720D-440	8	45.8	12,100	99.8	28



TMG(D)	TMG10D	4	10	2,650	99.7	34
(Low Pressure)	TMG20D-400	8	45.8	12,100	99.7	34
	TMG20D-440	8	50.3	13,300	99.7	28
TMHA	TMH10A	4	9.1	2,400	99.3	31
(Ultra Low Pressure)	TMH20A-400C	8	41.6	11,000	99.3	34
	TMH20A-440C	8	45.7	12,100	99.3	28

TBW Series:

Series	Model	Diameter	Product Flow		Rejection	Net
			Rate			Thickness
		(inch)	(m ³ /d)	(gpd)	(%)	(mil)
TBW-HR	TBW-440HR	8	31	8,200	99.8	28
(Ultra Low Pressure,						
High Neutral Molecule Rejection)						

SU Series:

Series	Model	Diameter	Product Flow		Rejection	Net
			Rate			Thickness
		(inch)	(m ³ /d)	(gpd)	(%)	(mil)
TS	SU-710T	4	6.5	1,700	99.4	31
(Heat Sanitized)	SU-720TS	8	26	6,900	99.4	31



	SUL-G10TS	4	5	1,300	99.5	31
	SUL-G20TS	8	30	7,900	99.5	28
	SUL-G20FTS	8	36	9,500	99.5	28

MÀNG RO CHO NƯỚC BIỂN

Toray sản xuất màng RO nước biển có đường kính 4, 8 và 16 inch có thể xử lý nước biển hoặc các nguồn nước có độ mặn cao > 10.000 ppm. Sản phẩm của chúng tôi được sử dụng rộng rãi cho các nhà máy khử muối mega, máy tạo nước cho tàu thuyền tư nhân và tàu thương mại, và xử lý nước đùn mỏ để tái sử dụng hoặc xả thải.

TM Series

Series	Model	Diameter (inch)	Product Flow		Rejection (%)	Net
			Rate			Thickness (mil)
			(m ³ /d)	(gpd)		
TM800M	TM820M-400	8	26.5	7,000	99.8	34
(Standard)	TM820M-440	8	29.2	7,700	99.8	28
TM800V	TM810V	4	7.2	1,900	99.8	28
(Low Energy)	TM820V-400	8	34.1	9,000	99.8	34
	TM820V-440	8	37.5	9,900	99.8	28
TSW-LE	TSW-400LE	8	23.0*	6,100*	99.60*	34
(Super Low Energy)						
(*600 psi)						
	TSW-440LE	8	25.3*	6,700*	99.60*	28
TM800K	TM820K-400	8	21.9	5,800	99.86	34
(Highest Rejection)	TM820K-440	8	24.2	6,400	99.86	28

MÀNG LỌC NANO (NANOFILTRATION)



Màng lọc nano cho phép loại bỏ các loại khác nhau: đơn hóa trị và hóa trị hai. Có thể thẩm một cách có chọn lọc do đặc điểm này. Các ứng dụng chính là giải pháp PR, thuốc nhuộm, hóa chất đặc biệt, thu hồi nguyên liệu thô đắt tiền và tiền xử lý để loại bỏ các phần đơn giá trị: Ion âm và loại bỏ ion Tone-hóa trị hai trong quá trình xử lý nước biển.

Model	Flow Rate	NaCl	MgSO ₄	Diameter/	Test Conditions
	(GPD,m ³ /d)	Rejection(%)	Rejection (%)	Length (inch)	
NE8040-40*	12,000 (45.4)	20-40	99	8.0 / 40	NE Standard
NE8040-70*	9,000 (34.1)	30-70	99	8.0 / 40	NE Standard (MgSO ₄)
NE8040-90*	8,000 (30.3)	90-97		8.0 / 40	NE Standard
NE4040-40*	2,500 (9.5)	20-40	99	4.0 / 40	NE Standard
NE4040-70*	1,900 (7.2)	30-70	99	4.0 / 40	NE Standard
NE4040-90*	1,700 (6.4)	90-97		4.0 / 40	NE Standard (NaCl)

MÀNG LỌC RO CỦA NITTO:

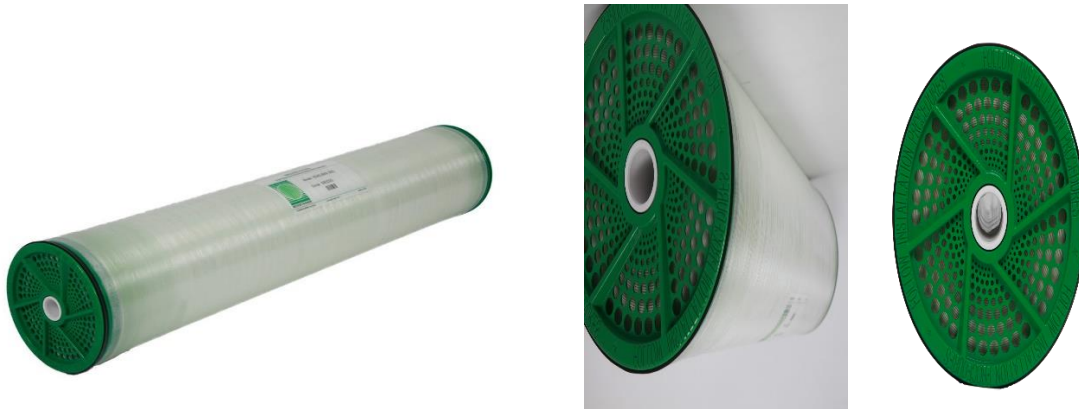


MÀNG LỌC RO CỦA SUEZ:

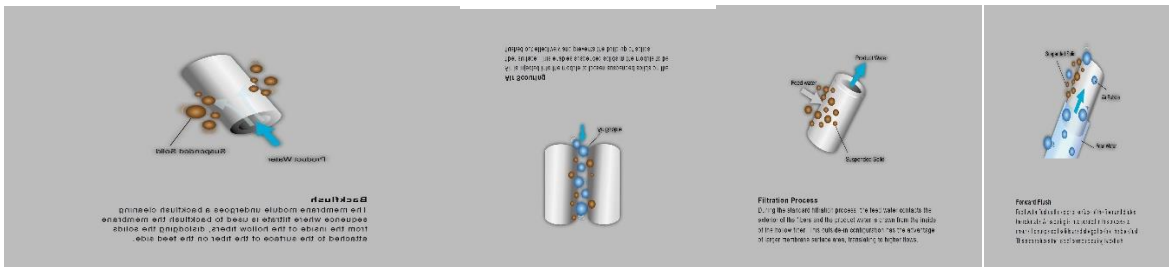




MÀNG LỌC RO CỦA MICRODYN – ĐỨC:



NHẬP KHẨU MÀNG LỌC UF
MÀNG LỌC UF CỦA AQUADYN



MÀNG LỌC UF CỦA DOW:



SFP-2880
SFD-2880



MÀNG LỌC UF CỦA SUEZ (GE)



MÀNG LỌC UF CỦA KOCH:



Công ty TNHH môi trường Thiên Hà Xanh
Đc: Lầu 20 Tòa nhà A&B Số 76A Lê Lai, P.Bến Thành, Quận 1, TpHCM
MST: 0310116646 Zalo: 0914918599 Website: www.thienhaxanh.com.vn



NHẬP KHẨU MÀNG LỌC SINH HỌC MBR

Hãng nhập: Mitsubishi, Toray, Koch, LG, Kubota, Sumitomo, Newterra

MÀNG LỌC SINH HỌC MBR – MITSUBISHI

STERAPORE
Hollow fiber membrane
STERAPORE provides advanced membrane filtration technologies for a wide range of water treatment applications.

- Space-saving
- High permeability
- Easy-maintenance



Diện tích màng: 6 m², 15 m², 25 m², 40 m²

Model màng: 50E006SM, 50E0015SA, 50E0025SA, 56E0040SA

MÀNG LỌC SINH HỌC MBR – TORAY



Quá trình MBR (Membrane Bioreactor) là sự kết hợp giữa xử lý và lọc nước thải sinh học. Các chất ô nhiễm phân hủy sinh học được giảm thiểu bằng cách sử dụng vi khuẩn và vi sinh vật. Sau quá trình xử lý sinh học, bùn hoạt tính được tách ra khỏi nước xử lý bằng màng tấm PVDF của Toray với kích thước lỗ danh nghĩa 0,08 micron phân bố dày đặc dọc theo bề mặt màng.

Model:

- Toray MBR NHP210 SERIES:
NHP210-300S (3 cassettes ECS035 x 2 decks): số lượng tấm màng: 300 cái, diện tích màng (m2): 210 m2
NHP210-600D (3 cassettes ECS035 x 4 decks): số lượng tấm màng: 600 cái, diện tích màng (m2): 410 m2
- Toray MBR TMR140 SERIES : TMR140-100S, TMR140-200D, TMR140-400DW
- Toray MBR TMR090 SERIES: TMR090-100S
-

MÀNG LỌC SINH HỌC MBR – SUMITOMO



Model màng lọc sinh học Sumitomo

Màng lọc sinh học Sumitomo diện tích 6m2 model SPMW -13B6, SPMW -12B6, SPMW -05B6

Màng lọc sinh học Sumitomo diện tích 6m2 model SPMW -05B10,

Màng lọc sinh học Sumitomo diện tích 12m2 model SPMW -13B12, SPMW -12B12.



Màng lọc sinh học Sumitomo diện tích 25 m² model OPMW -01B25, OPMW -02B25,

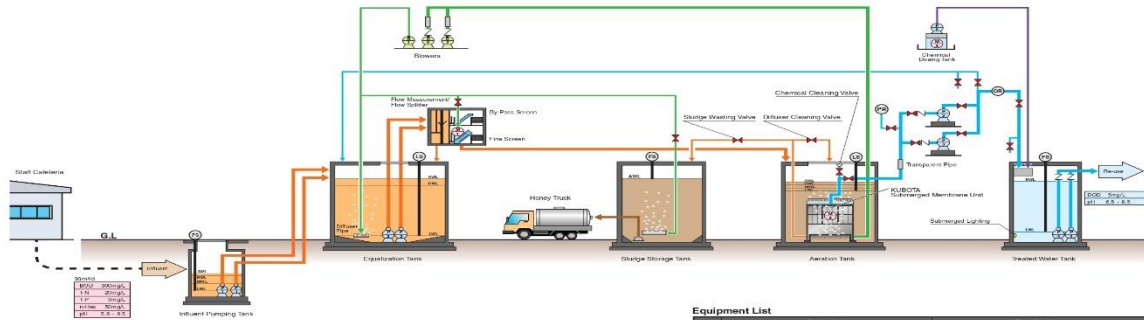
Màng lọc sinh học Sumitomo diện tích 50 m² model OPMW -01B50, OPMW -02B50,

MÀNG LỌC SINH HỌC MBR – KUBOTA



Kubota

Flow Chart of Kitchen Wastewater Reuse System using KUBOTA Submerged Membrane Unit



Symbol	Equipment	Specifications
B-1	Equalization Blower	25A × 0.42m ³ /min × 40kPa × 0.75kW × 1
B-2	Aeration Blower	100A × 1.27m ³ /min × 40kPa × 2.2kW × 2
P-1	Influent Pump	φ50 × 0.2m ³ /min × 8.0m × 0.75kW × 2
P-2	Equalization Pump	φ50 × 0.05m ³ /min × 10.0m × 0.4kW × 2
P-3	Treated Water Pump	φ52 × 0.05m ³ /min × 8.0m × 0.2kW × 2
P-4	Recycled Water Pump	φ50 × 0.1m ³ /min × 14.0m × 0.75kW × 2
P-5	Chemical Dosing Pump	φ41.8 × 18cc/min × 7kg/cm ² × 0.025kW × 1
M-1	Fine Screen	14.0m ² × 0.025kW × 1
M-2	KUBOTA Submerged Membrane Unit	Unit Model: S-100 (single unit)
M-3	Chemical Dosing Tank (Sodium Hypochlorite)	50 Liter Tank (PVC)
FS	Fault Switch	
LS	Water-level Gauge	
PR	Pressure Gauge	
GR	Electromagnetic Flowmeter	

Kubota Corporation



Merits for End User

Assured Compliance
 Meets or exceeds all local and international standards for effluent discharge. The ultra-low reject rate from MBR's 15% permeator Membrane allows for operational flexibility (flexibility, etc.)

Reduced Land Area
 Maximizes available space and minimizes footprint. The compact MBR System can handle effluent TSS and other key effluent parameters (COD, BOD, etc.)

Water Reuse / Recycling
 The ultra-low reject rate allows for high-quality recycled water. The ultra-low reject rate allows for high-quality recycled water. The ultra-low reject rate allows for high-quality recycled water.

Multiple Products

Unit Type	Nominal Membrane Area		Permeator		Nominal Dimensions		Length		Weight	
	sqm	ft ²	(mm)	(in)	(mm)	(in)	(mm)	(in)	(kg)	(lbs)
LF	10	10.8	1,350	52.7	544	17.4	144	203	50	110
	20	21.6	1,620	63.2	654	21.1	183	240	100	220
	30	32.4	1,890	73.7	754	24.8	212	270	150	330
FS	80	86.4	1,620	63.2	654	21.1	183	240	100	220
	100	108	2,160	84.3	874	28.1	240	300	150	330
	150	162	2,700	105.4	1,084	35.1	300	360	200	440
ES	120	129.6	1,890	73.7	754	24.8	212	270	150	330
	160	172.8	2,520	98.9	1,024	32.1	270	330	200	440
	200	216	3,150	124.1	1,274	39.4	330	390	250	550
FK	200	216	3,150	124.1	1,274	39.4	330	390	250	550
	300	324	4,725	186.2	1,924	58.6	495	585	350	770
	400	432	6,300	248.3	2,574	77.8	660	780	450	990
EK	300	324	3,150	124.1	1,274	39.4	330	390	250	550
	400	432	4,200	165.5	1,724	52.6	441	513	300	660
	500	540	5,250	206.7	2,174	65.8	552	648	350	770
HM	300	324	2,430	95.7	974	38.7	300	360	200	440
	400	432	3,240	127.6	1,304	51.4	400	480	250	550
	500	540	4,050	159.5	1,634	64.1	500	600	300	660



KUBOTA Submerged Membrane Unit®

Various Applications
 Every kind of wastewater has different characteristics and may require unique process design. With 30 years of experience supported by MBR research and development as the flat-sheet membrane pioneer, Kubota is an expert in designing MBR systems to meet your specific requirements.

Global Installations
 6,000+ Installations All Over the World.

Structure of the Membrane Unit
 The Membrane Unit consists of a Membrane Cartridge and a Flat-Sheet Membrane. The Membrane Cartridge is a flat-sheet membrane cartridge that is connected to a standard pipe via standardized flange. The Flat-Sheet Membrane is a flexible membrane that can be replaced without the Membrane Cartridge for easy maintenance work.

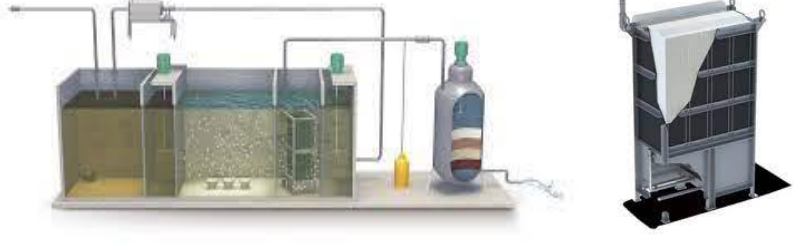
Structure of the Membrane Cartridge
 The Membrane Sheet is welded on each side of the Membrane Panel. The water permeates through the Membrane Sheet and flows out from the Membrane Panel. The Membrane Sheet is made from ultra-thin polypropylene and has a membrane pore size of 0.1 μm (nominal).

Conventional Activated Sludge System (CAS) vs. Membrane Bioreactor (MBR)
 The footprint of the MBR system is considerably smaller than that of CAS system. The MBR system requires less operation cost and less chemical agents, and does not require primary or secondary clarifiers.

Features of Kubota MBR System

- 1.Simple Structure**
 The flat-sheet membrane of the Membrane Cartridge presents a large surface area for the bio-film. The membrane is easy to clean and replace. Changing the membrane with the Membrane Panel is simple and easy. The Membrane Panel is easy to clean and replace. The Membrane Panel is easy to clean and replace.
- 2.Simple Chemical Cleaning**
 Chemical cleaning of the Membrane Cartridge is done in the Membrane Panel. The Membrane Panel is easy to clean and replace. The Membrane Panel is easy to clean and replace.
- 3.Simple Diagnosis**
 The Membrane Cartridge is easy to diagnose. The Membrane Cartridge is easy to diagnose. The Membrane Cartridge is easy to diagnose.
- 4.Simple Replacement**
 The Membrane Cartridge is easy to replace. The Membrane Cartridge is easy to replace. The Membrane Cartridge is easy to replace.

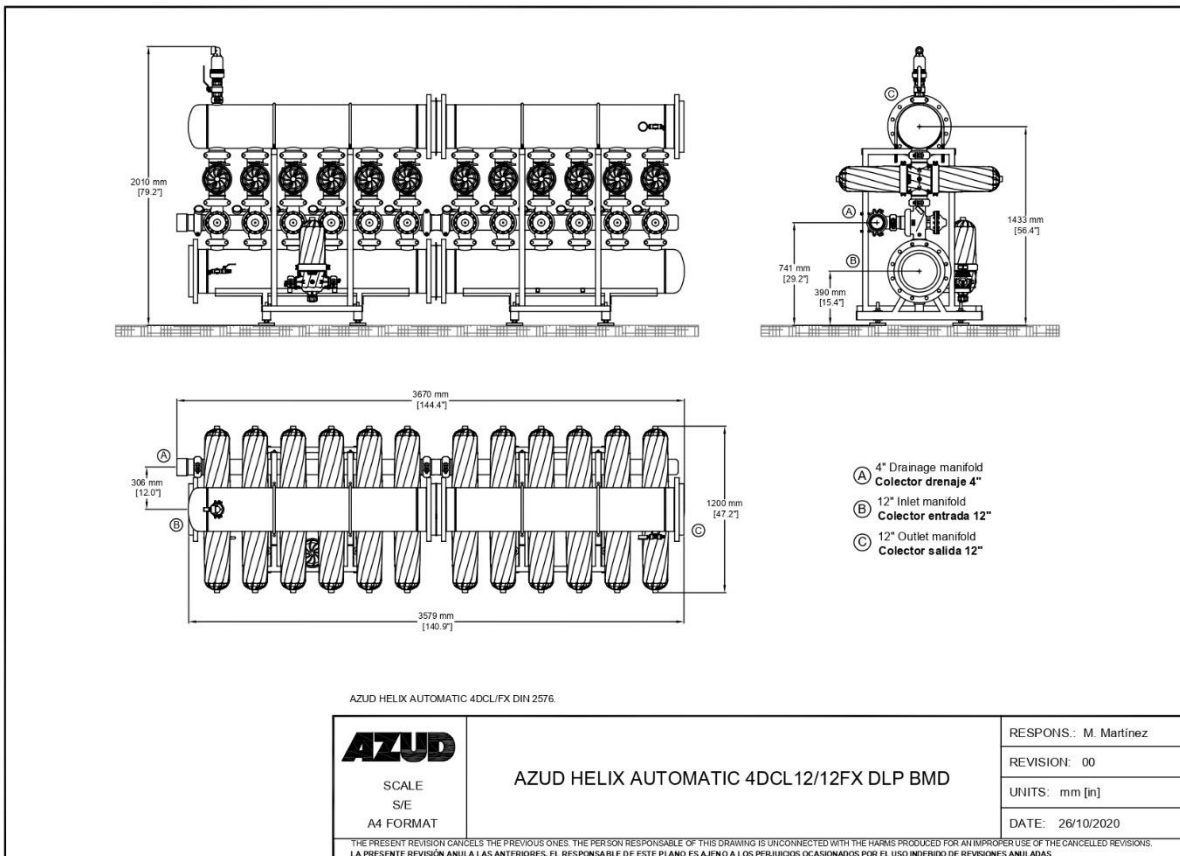
MÀNG LỌC SINH HỌC MBR – LG



ĐĨA LỌC (DISC FILTER)

Hãng nhập khẩu: Jimten – Tây Ban Nha, Azud – Tây Ban Nha

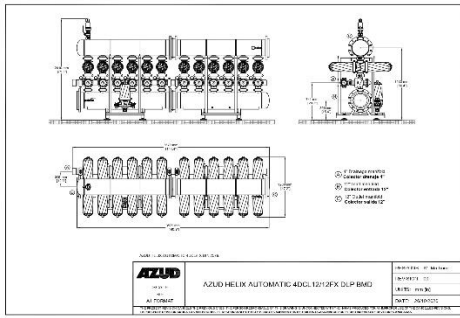
ĐĨA LỌC CỦA AZUD



MODELS

- FT201 AA, FT202 AA, FT203 AA, FT204 AA, FT205 AA, FT206 AA, FT207 AA, FT208 AA, FT209 AA, FT210 AA...







ĐIẢ LỘC CỦA JIMTEN









Total suspended solids / Total solides en suspension

A < 50 ppm	50 ppm < B < 100 ppm	100 ppm < C < 150 ppm
River / Reservoir	Artificial Channel	Wastewater

Discs / Disques	Microns	Application
Yellow / jaune	200	Medium filtration levels for Splinkers applications.
Red / rouge	130	Medium-fine filtration for drip irrigation and microsprinkler applications.
Blue / bleu	100	Medium- fine filtration for tape and drip irrigation.

					
sky blue / bleu ciel 25 microns	green / vert 50 microns	blue / bleu 100 microns	red / rouge 130 microns	yellow / jaune 200 microns	filters / filtres
98620	98600	98605	98610	98615	2
98621	98601	98606	98611	98616	3
98622	98602	98607	98612	98617	4
98623	98603	98608	98613	98618	5
98624	98604	98609	98614	98619	6

2" single body automatic filtration stations (inlet and outlet manifolds in HDPE).
 Stations de filtration automatiques avec des filtres de 2" simple corps (collecteurs d'entrée et sortie en PEHD).

					
sky blue / bleu ciel 25 microns	green / vert 50 microns	blue / bleu 100 microns	red / rouge 130 microns	yellow / jaune 200 microns	filters / filtres
98620	98600	98605	98610	98615	2
98621	98601	98606	98611	98616	3
98622	98602	98607	98612	98617	4
98623	98603	98608	98613	98618	5
98624	98604	98609	98614	98619	6

2" single body automatic filtration stations (inlet and outlet manifolds in HDPE).
 Stations de filtration automatiques avec des filtres de 2" simple corps (collecteurs d'entrée et sortie en PEHD).

HẠT NHỰA TRAO ĐỔI ION

Hãng nhập: Dow, Dupont, Lewatit, Lanxess, Mitsubishi, Rohm &Hass, Purolite, Thermax, Jacobi..



HẠT NHỰA TRAO ĐỔI ION VÀ BỘT TRỢ LỌC SỬ DỤNG CHO NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÍA ĐƯỜNG:

- Resin AMBERLITE TM FPA90RFCL - Rohmand Haas/France
- Resin AMBERLITE TM FPA98CL - Rohmand Haas/China
- Nhựa Resin Anion bazơ mạnh MODEL S5528 - Lewatit – Đức
- Model: S6368A - Lewatit – Đức
- **Model: S1567** Lewatit – Đức
- **Model: S4468** Lewatit – Đức
- Bột trợ lọc Kenite 700, Bột trợ lọc Kenite 3000, Hyflo supercel

HẠT NHỰA TRAO ĐỔI ION CẤP CHO CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN

- Cation Exchange Resin: Lewatit® MonoPlus SP112H - Lanxess,
- Anion Exchange Resin: Lewatit® MonoPlus MP800 - Lanxess,
- Cation Exchange Resin: Lewatit® MonoPlus S108H - Lanxess,
- Anion Exchange Resin: Lewatit® MonoPlus M800 - Lanxess,
- MP500

HẠT NHỰA TRAO ĐỔI ION CẤP CHO CÔNG TY THỰC PHẨM & SẢN XUẤT

- Model: S4468 : Lewatit– Đức
- Model: S2568 H : Lewatit– Đức
- Lewatit IN 42 : Lewatit– Đức
- Lewatit MonoPlus TP 207 Chelating
- Lewatit monoplus TP 260

HẠT NHỰA TRAO ĐỔI ION DÙNG XỬ LÝ NƯỚC

- Cation Diaion SK1BL
- Anion Diaion SA20ALLP
- AmberLite HPR550 OH Ion Exchange Resin
- Amberlite HPR650 H Ion Exchange Resin
- Amberlite HPR 1200H DOW (Dupont)
- AMBERLITE HPR4800CL DOW (Dupont)
- **Model; MP64**
- Hạt nhựa trao đổi Anion PWA12 - Rohm- Hass – China (DuPont)



CÁC HÃNG NHẬP KHẨU ION



HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC EDI - DUPONT (Electrodeionization (EDI))

Quá trình khử ion hóa (EDI) là một quá trình liên tục, không có hóa chất nhằm loại bỏ các loại ion hóa và ion hóa khỏi nước cấp sử dụng nguồn điện một chiều. EDI thường được sử dụng để đánh bóng thẩm thấu ngược (RO) và là một giải pháp thay thế thông minh cho - và thay thế hiệu quả - trao đổi ion hỗn hợp thông thường (IX) trên các giường hỗn hợp. Và vì điện là vật liệu tiêu thụ duy nhất của EDI nên phương pháp đánh bóng thẩm thấu này không tạo ra dòng chất thải nguy hại.

Điện phân, thẩm tách điện và điện cực hóa



Sự điện phân liên quan đến việc cho dòng điện chạy qua dung dịch điện phân, với sự chuyển động tiếp theo của các điện cực dương và tích điện âm sang các điện cực âm và dương. Quá trình này tách các phân tử nước một cách hiệu quả và là động lực của quá trình điện cực hóa. Thẩm phân điện sau đó tách các ion hydroxal (OH-) và hydro (H+) khỏi dung dịch điện phân, trong khi quá trình điện cực hóa vượt qua giới hạn của thẩm phân điện, cho phép tách ion mà không có điện áp ngày càng cao.

Quá trình cơ bản là thế này: Hãy tưởng tượng một mô hình đơn giản của một cực pin được kết nối với hai điện cực được ngâm trong một bể nước mặn. Khi điện tích được đưa vào các điện cực, ở cực âm xảy ra phản ứng khử liên quan đến các phân tử nước: khí hydro thoát ra và ion OH- bị bỏ lại. Ở cực dương, khí oxi được giải phóng và ion H+ còn lại trong phản ứng oxi hóa. Sự có mặt của muối trong dung dịch tạo điều kiện cho các phản ứng liên tục xảy ra ở các điện cực, hút các ion hydroxyl từ cực âm và các ion hydro từ cực dương.

Trong thẩm phân điện, dòng điện đẩy các ion qua màng bán thấm. Trong hệ thống EDI, một màng chỉ cho phép các cation (ion OH-) đi qua được đặt bên cạnh cực âm và một màng thấm các anion (ion H+) chỉ được đặt bên cạnh cực dương. Một buồng trung tâm hiện chứa dung dịch muối. Khi điện tích được đưa vào hệ thống và các phản ứng hóa học xảy ra, các ion sẽ di chuyển qua các màng ra khỏi buồng trung tâm đến các điện cực tương ứng của chúng, để lại các thành phần của phân tử muối và bất kỳ tạp chất nào khác.

Tuy nhiên, thẩm tách điện bị hạn chế. Khi nước trở nên tinh khiết hơn, yêu cầu điện áp của hệ thống tăng lên - thậm chí vượt quá 600 vôn - có thể gây ra hiện tượng cong. Quá trình điện cực hóa giải quyết thách thức này bằng cách đưa nhựa trao đổi ion (IX), hoặc môi trường dẫn điện ion vào buồng trung tâm. Điều này cho phép các ion dễ dàng di chuyển ra khỏi buồng trung tâm, loãng mà không cần điện áp cao.

Các mô-đun EDI đã được cấp bằng sáng chế đã được chứng minh của chúng tôi có thể tối ưu hóa hiệu suất, duy trì chất lượng sản phẩm liên tục và tạo ra nước có độ tinh khiết cao với khả năng loại bỏ ion-ô nhiễm cao.

Mô-đun DuPont™ EDI sử dụng thiết kế dây quấn xoắn ốc độ đặc có chứa màng và nhựa trao đổi ion, được niêm phong trong một bình chịu áp lực bằng nhựa gia cố bằng sợi thủy tinh (FRP) có độ bền cao. Quy trình tạo dòng được cấp bằng sáng chế của dòng pha loãng và dòng cô đặc làm cho các mô-đun DuPont™ EDI hoàn toàn độ đặc. Các mô-đun DuPont™ EDI tối ưu hóa hiệu suất, duy trì chất lượng sản phẩm liên tục và có thể tạo ra nước có độ tinh khiết cao lên đến 18 MΩ-cm, với khả năng loại bỏ silica và boron cao.



Các ưu điểm của mô-đun DuPont™ EDI, đặc biệt được sử dụng với thẩm thấu ngược hai chiều (RO), bao gồm:

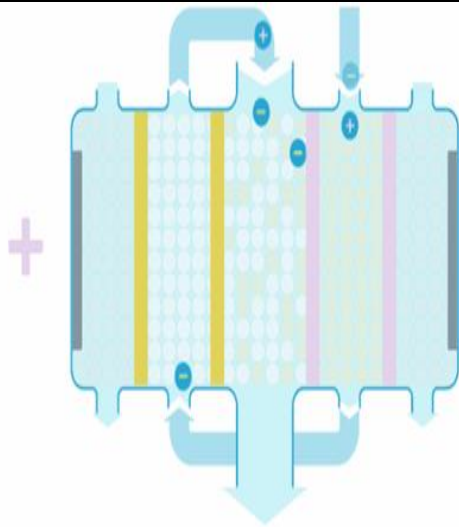
Không rò rỉ: Mô-đun DuPont™ EDI được niêm phong đáng tin cậy với các nắp đầu trên và dưới áp suất cao, loại bỏ các vấn đề rò rỉ thường liên quan đến thiết kế khung và tấm

Kiểm soát chất lượng: Mỗi mô-đun DuPont™ EDI đều được kiểm tra hiệu suất và áp suất trước khi rời khỏi nhà máy của chúng tôi để đảm bảo khởi động và vận hành không gặp sự cố.

Bảo trì thấp: Không giống như các hệ thống EDI dạng tấm và khung, các mô-đun DuPont™ EDI không yêu cầu siết chặt đai ốc và bu lông khi lắp đặt hoặc liên tục vận lại bu lông để tránh rò rỉ.

Mô-đun trọng lượng nhẹ, thiết kế mô-đun, dễ truy cập: Các mô-đun DuPont™ EDI dẫn đến hệ thống rất mô-đun cho phép truy cập dễ dàng và các mô-đun trọng lượng nhẹ dễ làm việc; không cần thiết bị nâng đặc biệt. Mỗi mô-đun hoàn chỉnh với 0mọt cổng lấy mẫu nước sản phẩm loãng riêng lẻ.

Hiệu quả về chi phí: Mô-đun DuPont™ EDI dạng xoắn ốc cho phép các nhà tích hợp hệ thống xây dựng các hệ thống có chi phí vận hành và vốn thấp hơn khi so sánh với các thiết bị EDI dạng tấm và khung và thực sự là sự thay thế hiệu quả về chi phí cho trao đổi ion dạng hỗn hợp thông thường.



HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC EDR

Đảo ngược thẩm tách điện (EDR)

Một công nghệ khử mặn nước lợ có độ thu hồi cao mạnh mẽ có thể xử lý nhiều loại nước khó khăn

EDR đáp ứng sự phát triển cho khả năng thu hồi cao hơn của nước lợ đã khử mặn. EDR, với hoạt động tự làm sạch liên tục không đổi, cho phép thu hồi cao hơn RO trong các ứng dụng khử muối.

Lợi ích EDR

Phụ cấp độ đục cao hơn

Nước chảy qua các kênh dọc theo bề mặt của màng trao đổi ion trong khi điện di chuyển các muối ion qua màng, do đó nó có thể xử lý mức độ đục cao hơn trong nước cấp.

Dung sai silica



Silica là một phân tử không tích điện, vì vậy nó chỉ đơn giản chảy qua ngăn xếp mà không có tác động đến màng.

Sự thay đổi của nguồn cấp dữ liệu

Tính linh hoạt của EDR cho phép tạo ra nhiều biến thể của TDS và nhiệt độ mà không gây khó chịu đáng kể cho quá trình hoặc hiệu suất. Điều chỉnh điện áp là tất cả những gì cần thiết để đáp ứng nhu cầu thay đổi.

Kinh tế phục hồi cao

Tiết kiệm từ việc giảm chi phí xử lý nước muối và bổ sung nguồn cung cấp có thể dẫn đến chi phí vận hành EDR thấp hơn ở hơn 80% thành phố trên thế giới.

Giảm yêu cầu tiền xử lý

EDR là một công nghệ khử muối thay thế đòi hỏi ít tiền xử lý hơn so với thẩm thấu ngược, trong khi thường cung cấp hoạt động mạnh mẽ và đáng tin cậy hơn.

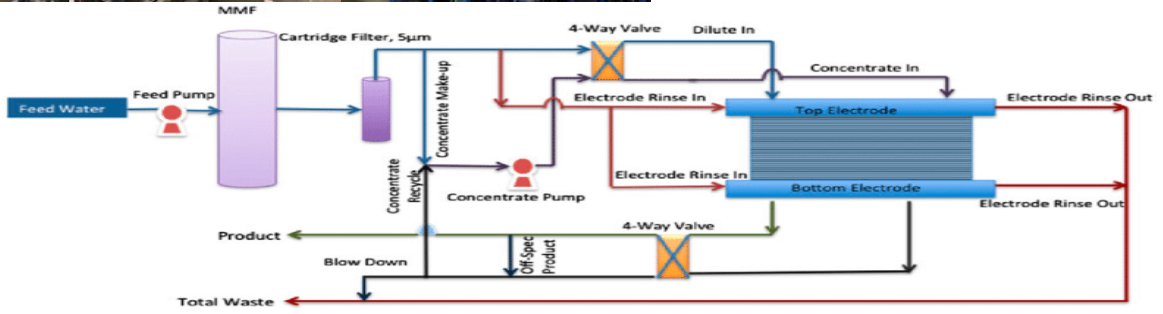
Ứng dụng EDR

Ionics EDR được sử dụng trên nhiều loại nước để loại bỏ các chất gây ô nhiễm tích điện như nitrat, arsen, hạt nhân phóng xạ, florua, sunfat và clorua. Các ứng dụng tiêu biểu nhất là:

Khử muối cho mặt đất và nước lợ bề mặt để sử dụng có thể uống được

Loại bỏ TDS từ nước thải đã qua xử lý bậc ba để tưới tiêu hoặc để đáp ứng các yêu cầu xả thải

Thu hồi nước thải công nghiệp trong quá trình khai thác O&G, các cơ sở bán dẫn, v.v.



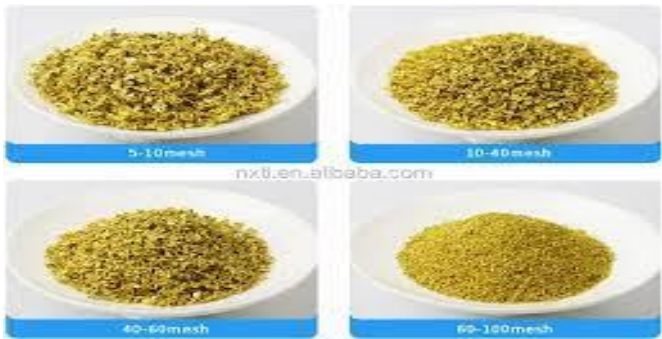
ĐÈN UV





VẬT LIỆU LỌC

VẬT LIỆU LỌC KDF



CARTRIDGE FILTER





Công ty TNHH môi trường Thiên Hà Xanh
Đc: Lầu 20 Tòa nhà A&B Số 76A Lê Lai, P.Bến Thành, Quận 1, TpHCM
MST: 0310116646 Zalo: 0914918599 Website: www.thienhaxanh.com.vn

MÁY ÉP BÙN KHUNG BẢN



MÁY ÉP BÙN BĂNG TẢI



GIÁ THỂ VI SINH MBBR

(Biochip, MBBR Levapor Germany, Newpond, MBBR di động)



SẢN PHẨM SỬ DỤNG CHO BÃI RÁC CHÔN LẤP



- Vật liệu đệm dạng rắn/bột dùng để phân tầng cho rác thải chôn lấp
- Chế phẩm vi sinh EM gốc/ EM thứ cấp/ Bokashi: dạng bột, dạng rắn, dạng lỏng
- Tấm lọc và khử mùi (vật liệu PU than hoạt tính)
- Lốp lót đất Sét tổng hợp
- Màng chống thấm HDPE, EDPE, PVC, GEOCELL.
- Lò đốt rác

Thông tin các sản phẩm sản xuất

1. Sản xuất chế phẩm vi sinh EM gốc/EM thứ cấp/ Bokashi

Thành phần:

- *Streptomyces*: 10^9 CFU; *Rhizobium*: 10^9 CFU; *Lactic*: 10^9 CFU; *Bacillus*: 10^9 CFU
- Vi khuẩn quang hợp: 10^9 CFU; và xạ khuẩn: 10^9 CFU,
- Nấm men, vi sinh vật quang hợp, dưỡng chất, kích hoạt men, chất mang,
- Các vi khuẩn có lợi khác...
- $pH = 3.5 \div 4.0$

Công dụng:

- Dùng men vi sinh để sản xuất chế phẩm EM, EM, EM – FPE, Bokashi
- Dùng cho xử lý rác thải, phân huỷ rác thải chôn lấp
- Dùng xử lý mùi hôi
- Dùng cho bể sinh học hiếu khí
- Dùng trong chăn nuôi
- Dùng trong cây trồng và thủy hải sản

Dạng: Rắn, lỏng, bột

Hình ảnh:

Chế phẩm vi sinh EM



Bokashi:



Đóng gói: Theo yêu cầu 25 kg/bao, 40 kg/bao..

Tuỳ chỉnh theo yêu cầu sử dụng: Chúng tôi có thể điều chỉnh thành phần để phù hợp theo tính chất chất thải của Quý công ty, chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu cho các thể loại như rắn, lỏng, bột...

2. Cung cấp vật liệu che phủ bãi rác chôn lấp

2.1 Cung cấp vật liệu rắn tổng hợp

- **Thành phần:** đất, đá, cát, đất sét, độ ẩm 0.5 – 10%, khoáng chất, VSV..
- **Ứng dụng:** Dùng để làm lớp lót che phủ bãi rác ngăn ngừa mùi hôi, côn trùng, ruồi muỗi...
- **Cách dùng:** Dùng xe cơ giới san lấp trên bề mặt bãi rác sao cho độ dày từ 0.1 – 1 phân (có thể tự điều chỉnh). Để tăng cường độ nén của vật liệu Có thể sử dụng phụ gia/ xi măng/chống thấm...phủ 1 lớp mỏng lên trên bề mặt (nếu có)
- **Hình ảnh tham khảo:**

2.2 Cung cấp men vi sinh dạng rắn:

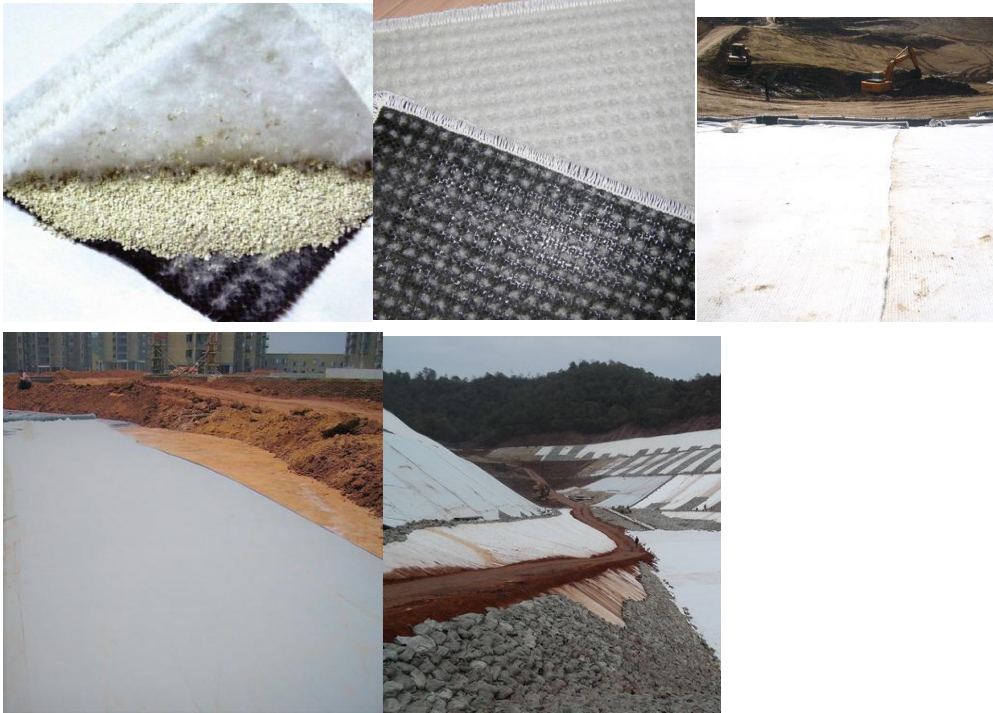
- **Thành phần:** *Streptomyces*: 10^9 CFU; *Rhizobium*: 10^9 CFU; *Lactic*: 10^9 CFU; *Bacillus*: 10^9 CFU
- *Vi khuẩn quang hợp*: 10^9 CFU; và *xạ khuẩn*: 10^9 CFU,
- *Nấm men, vi sinh vật quang hợp, dưỡng chất, kích hoạt men, chất mang,*
- *Các vi khuẩn có lợi khác...*
- **Ứng dụng:** Dùng để làm lớp lót che phủ bãi rác xử lý mùi hôi, côn trùng, ruồi muỗi, phân hủy rác thải, ...
- **Cách dùng:** Dùng xe cơ giới san lấp trên bề mặt bãi rác sao cho độ dày từ 0.1 – 1 phân (có thể tự điều chỉnh). Có thể phủ 1 lớp nilon trên và dưới vật liệu/ Hoặc vải địa (nếu có)
-

3. Cung cấp Lớp lót đất sét địa tổng hợp cho bãi chôn lấp:

- Khối lượng đơn vị: 4000g / m² --- 6500g / m²



- 2. Phạm vi chiều rộng là 3 mét-6 mét; Chiều rộng tối đa là 6 mét; Chiều rộng khác có thể được tùy chỉnh thực hiện.
- 3. Chiều dài là 20, 30, 40 mét hoặc theo yêu cầu. Chiều dài tối đa tùy thuộc vào giới hạn lãn.
- **Hình ảnh:**



4. Cung cấp màng chống thấm vải địa kỹ thuật (HDPE, EDPM, PVC....)

- Kích thước: Thiết kế theo yêu cầu
- Độ dày: cung cấp theo yêu cầu
- Thông số kỹ thuật sẽ bổ xung theo yêu cầu của khách hàng.

Các hãng nhập khẩu trực tiếp như: GSE Thái Lan, Solmax Canada, Huitex Đài Loan, Sika

Thụy Sĩ, CETCO (Mỹ).

4.1 Vải địa EDPM



4.2 Geogrid:



4.3 Vải địa HDPE



4.4 Màng địa tổng hợp composite:



4.5 Vải địa không dệt:



LÒ ĐÓT RÁC



Công ty TNHH môi trường Thiên Hà Xanh
Đc: Lầu 20 Tòa nhà A&B Số 76A Lê Lai, P. Bến Thành, Quận 1, TpHCM
MST: 0310116646 Zalo: 0914918599 Website: www.thienhaxanh.com.vn



Chúng tôi cam kết các sản phẩm được cung cấp chính hãng, đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh nhất.

Vì một môi trường xanh, sạch, đẹp, Chúng tôi rất mong nhận được sự đồng hành cùng Quý công ty cho các công trình cấp nước sạch, nước thải và rác thải chôn lấp...

Quý khách hàng có thể tham khảo thêm thông số kỹ thuật tại website của chúng tôi: www.thienhaxanh.com.vn hoặc liên hệ trực tiếp với chúng tôi .

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ:

Zalo/Whatsapp: 0914918599 - Ms Hằng

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THIÊN HÀ XANH

Địa chỉ: Lầu 20, tòa nhà A&B, 76A Lê Lai, P. Bến Thành, quận 1, Tp. HCM

Tell: 08.7303 7789 - **Zalo/Whatsapp:** 0914918599 - **Fax:** 08.7303 7789

Email: hangmt1809@gmail.com **Website:** www.thienhaxanh.com.vn

TpHCM, ngày.....tháng.....năm 2020

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THIÊN HÀ XANH

ĐẶNG THỊ HẰNG